TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI BÌNH** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**
Bản án số: 127/2019/HSST Ngày 06 - 8 - 2019	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà : Ông Trần Hồng Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Đức
2. Bà Trần Thị Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Khánh Linh - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Lại Văn Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số 123/2019/HSST ngày 25 tháng 6 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 129/2019/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 7 năm 2019, đối với bị cáo:

Bùi Thị D, sinh ngày 14 tháng 11 năm 1982 tại T; Nơi cư trú: số nhà 165, đường Đ, tổ 23, phường B, thành phố T, tỉnh T; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: lớp 4/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Bùi Văn L (đã chết) và bà Hà Thị L; Có chồng là Nguyễn Thanh S và 01 con sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Án số 103/2015/HSST ngày 10/7/2015 Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình xử phạt 04 tháng 05 ngày tù về tội "Đánh bạc". Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 02/4/2019 đến ngày 04/4/2019 được áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú (do đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi). Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Phạm Duy T, sinh năm 1995. Trú tại: số nhà 160, đường Tr, tổ 05, phường K, thành phố T. (vắng mặt)

Người chứng kiến:

- Anh Dương Ngọc H, sinh năm 1985; Trú tại: số nhà 10, ngõ 301, đường L, tổ 02, phường B, thành phố T, tỉnh T. (vắng mặt)

- Ông Bùi Thế C, sinh năm 1950; Trú tại: Số nhà 13, tổ 23, phường B, thành phố T, tỉnh T.(vắng mặt)

- Chị Phạm Thị T, sinh năm 1983; Trú tại: số nhà 80, đường H, tổ 17, phường L, thành phố T, tỉnh T.(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa , nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ 00 phút ngày 02/4/2019, Bùi Thị D đi bộ từ nhà ra khu vực bến xe khách T thuộc phường Tr, thành phố T gặp và mua của một người nam giới khoảng 40 tuổi, không biết tên, địa chỉ được 04 túi ma túy đá với giá 800.000 đồng, mục đích về để bán kiếm lời. Sau đó, D mang về nhà cất 03 túi ma túy đá vào hộp màu xanh để trên giường ngủ tầng 3, còn 01 túi ma túy đá D cất trong túi quần bên trái đang mặc, mục đích ai hỏi sẽ bán kiếm lời. Đến khoảng 19 giờ 15 phút cùng ngày, Phạm Duy T đi xe ôm của anh Dương Ngọc H đến gặp và hỏi mua của D 01 gói ma túy đá với giá 300.000 đồng, T đưa cho D 300.000 đồng gồm 01 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng, 02 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng và nhận 01 gói ma túy đá được gói trong túi nilon trong suốt có mép cài, bên trong có chứa chất dạng tinh thể trong suốt và cất vào túi quần trái đang mặc thì bị tổ công tác Công an tỉnh T phát hiện, bắt quả tang. Trước sự chứng kiến của ông Bùi Thế C và chị Phạm Thị T, tổ công tác thu giữ tại túi quần trái phía trước T mặc 01túi nilon trong suốt có mép cài, bên trong có chứa chất dạng tinh thể trong suốt, T khai là ma túy đá vừa mua của D với giá 300.000 đồng để sử dụng (niêm phong ký hiệu M1); kiểm tra người D thu giữ tại túi quần trái phía trước D mặc có 300.000 đồng (gồm 01 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng, 02 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng), D khai là tiền vừa bán 01 gói ma túy đá cho T (niêm phong trong phong bì). Tổ công tác lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản niêm phong vật chứng.

Cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T đã tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Bùi Thị D. Qua khám xét thu trên giường ngủ tầng 3 của D 01 hộp màu xanh, bên trong có 03 túi nilon trong suốt có mép cài, kích thước 01x01 cm, bên trong đều chứa chất dạng tinh thể trong suốt, D khai là ma túy đá của D mua để bán kiếm lời (niêm phong ký hiệu M2); 05 vỏ túi nilon trong suốt có mép cài, kích thước 01x01 cm; 01 bình sử dụng ma túy đá tự chế bằng nhựa.

Tại Bản kết luận giám định số 105/KLGĐ-PC09 ngày 03/4/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình kết luận: "Mẫu vật trong phong

bì niêm phong M1 là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 0,0402 gam *(không phẩy không nghìn bốn trăm linh hai gam)*. Mẫu vật trong phong bì niêm phong M2 là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 0,8073 gam *(không phẩy không nghìn bốn trăm linh hai gam)"*.

Tại bản cáo trạng số 130/CT-VKSTP ngày 24 tháng 6 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân t hành phố Thái Bình truy tố Bùi Thị D về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, trong phần tranh luận Kiểm sát viên trình bàylời luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quan điểm truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Bùi Thị D phạm tội "Mua bán trái phép chấ t ma túy". Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự; Đề nghị xử phạt Bùi Thị D mức án từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù. Hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng sung ngân sách nhà nước. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị: Tịch thu số ma túy hoàn lại sau giám định; 05 vỏ túi nilon trong suốt và 01 bình sử dụng ma túy đá tự chế để tiêu hủy; Tịch thu số tiền 300.000 đồng do phạm tội mà có sung ngân sách nhà nước. Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Bùi Thị D khai như đã khai tại cơ quan điều tra và thừa nhận toàn bộ hành vi của mình như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình truy tố.

Khi trình bày lời nói sau cùngBị cáo xin Hội đồngxét xử giảm nhẹ hình phạt

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu tro ng hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Thái Bình, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bì nh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

[2]. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với khai tại cơ quan điều tra, phù hợp lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Phạm Duy T và lời khai người chứng kiến: anh Dương Ngọc H, ông Bùi Thế C và chị Phạm Thị T được chứng minh bằng biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản khám

xét, niêm phong vật chứng và bản kết luận giám định số 105/KLGĐ – PC09 cùng các tài liệu , chứng cứ khác đã đư ợc thu thập có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 19 giờ 15 phút ngày 02/4/2019, tại số nhà 165, đường Đ, tổ 23, phường B, thành phố T, Bùi Thị D đã bán trái phép 01 gói Methamphetamine, khối lượng 0,0402 gam cho Phạm Duy T lấy 300.000 đồng. Ngoài ra Bùi Thị D còn tàng trữ trái phép 03 gói Methamphetamine, khối lượng 0,8073 gam mục đích để bán kiếm lời. Bị cáo là người trên 18 tuổi, có đầy đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi của mình , hiểu rõ tác hại của ma túy và hành vi mua bán chất ma túy bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vì mục đích lợi nhuận đã cố ý thực hiện. Hành vi đó của Bùi Thị D đã phạm tội *"Mua bán trái phép chất ma túy"*, tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân TP Thái Bình truy tố là có căn cứ.

Điều 251 Bộ luật hình sự quy định:

"1. Người nào mua bán trái phép ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

2.....

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm trăm triệu đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản".

[3] Xét tính chất, mức độ và hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Hành vi ph ạm tội của b ị cáo là nguy hiểm cho xã hội , xâm phạm ch ế độ độc quyền quản lý của Nhà nước v ề chất gây nghiện , ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự và an toàn xã hội, đi ngược lại với công cuộc đấu tranh kiên quyết của Đảng và Nhà nước ta về bài trừ tệ nạn ma túy nên tính chất vụ án là nghiêm trọng, cần xử phạt bị cáo nghiêm minh trước pháp luật.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo thấy: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào; Về nhân thân: Năm 2015 bị Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình kết án về tội "Đánh bạc" đã được xóa án tích, bản thân đang nuôi con nhỏ. Về tình tiết giảm nhẹ: Qúa trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào tí nh chất của hành vi phạm tội , nhân thân và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự , Hội đồng xét xử lên mức án tương xứng đồng thời cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là cần thiết nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Bị cáo thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy mục đích thu lợi bất chính, cần áp dụng hình phạt bổ sung phạt bị cáo 5.000.000 đồng sung

ngân sách nhà nước theo quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự là phù hợp.

[6] Về nguồn gốc số ma túy thu giữ, bị cáo khai mua của một người nam giới khoảng 40 tuổi không biết tên, địa chỉ tại khu vực bến xe khách T. Do không xác định được người bán ma túy cho bị cáo nên Cơ quan đi ều tra không có căn cứ để xử lý.

[7] Đối với Phạm Duy T đã mua của Duyên 01 gói ma túy, nhưng lượng ma túy chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự nên cơ quan điều tra đã xử phạt vi phạm hành chính là phù hợp. Đối với anh Dương Ngọc H là người chạy xe ôm chở T nhưng không biết T đi mua ma túy, nên cơ quan điều tra không có hình thức xử lý.

[8]Về xử lý vật chứng : Số ma túy thu giữ của bị cáo hoàn l ại sau giám định là ch ất thuộc danh m ục Nhà nước cấm lưu hành ; 01hộp màu xanh, 05 vỏ túi nilon trong suốt và 01 bình sử dụng ma túy đá tự chế bằng nhựa cần tịch thu để tiêu hủy; Tịch thu số tiền 300.000 đồng do phạm tội mà có sung ngân sách nhà nước.

[9] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm ; Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 47; Điều 50; khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Căn cứ Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015.

Căn cứ Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; khoản 1 Mục I Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáoBùi Thị D phạm tội *"Mua bán trái phép chất ma túy"*.

2. Xử phạt bị cáo Bùi Thị D 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án được trừ đi thời gian đã tạm giữ 02(hai) ngày (từ ngày 02/4/2019 đến ngày 04/4/2019). Thời gian chấp hành hình phạt tù còn lại buộc Bùi Thị D phải chấp hành là 02 (hai) năm 02 (hai) tháng 28 (hai tám) ngày tù.

Hình phạt bổ sung: Phạt Bùi Thị D 5.000.000 (năm triệu) đồng sung ngân sách nhà nước.

3. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu 02 phong bì niêm phong cùng số 105/KLGĐ-PC (mẫu vật hoàn trả sau giám định); 01 hộp màu xanh, 05 vỏ túi nilon và 01 bình sử dụng ma túy đá tự chế bằng nhựa để tiêu hủy.

Tịch thu số tiền 300.000 đồng do phạm tội mà có được niêm phong trong phong bì (bên ngoài có dấu của Cơ quan điều tra) để sung ngân sách nhà nước.

(Vật chứng và tài sản đã chuyển Chi cục Thi hành án dân s ự thành phố Thái Bình quản lý có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 25/6/2019).

4. Về án phí: Bị cáo Bùi Thị D phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo Bùi Thị D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩ m 06/8/2019. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Người tham gia tố tụng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình
- Sở Tư pháp Thái Bình;
- VKSND TP. Thái Bình;
- Chi cục THADS TP.Thái Bình;
- CQCSĐT Công an TP. Thái Bình;
- Cơ quan THAHS CATP Thái Bình
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Hồng Sơn